

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §131

B: Hiện tượng

Tiểu đoạn §131 dẫn nhập vào mục B của Bản chất, và, trước hết, xác định một số thuật ngữ quan trọng: phân biệt giữa “ánh hiện” (*Scheinen*), *ánh tượng* (*Schein*), *sự hiện hữu* (*Existenz*) với *sự xuất hiện ra* (*Erscheinen*) và *hiện tượng* (*Erscheinung*). Tiểu đoạn §131 cũng được viết quá cô đọng, nên cần đọc chung với phần *Giảng thêm*.

- “*Bản chất phải xuất hiện ra*” [*thành hiện tượng*] (*Das Wesen muß erscheinen / Essence must appear / l'essence doit apparaître*).
- Chữ “*phải*” ở đây nói lên một sự tất yếu dù bản thân phạm trù “*sự tất yếu*” sẽ chỉ xuất hiện ở §147, do đó, trong sự quá độ từ bản chất sang hiện tượng đã có mặt sự tất yếu nhưng còn ở trạng thái “*tự-mình*” (mặc nhiên), đến gần với sự tất yếu đúng nghĩa.
- Mục A (“*Bản chất như là cơ sở của hiện hữu*”) đã cho thấy sự phát triển của bản chất bên trong sự phản tư của nó như là vận động của sự ánh hiện *trong chính mình*. Đó là đối tượng nghiên cứu của tiểu mục đầu tiên: 1) *các quy định thuần túy của sự phản tư*. Nhưng rồi sự ánh hiện thuần túy của bản chất cho thấy: ngay “*trong bản chất*” (“*in ihm*”)*, sự ánh hiện

* Câu thứ hai của *Chính văn* (ngay sau câu đầu tiên: “*Bản chất phải xuất hiện ra*”) bắt đầu bằng cách viết: “*Sein Scheinen in ihm ist das Aufheben seiner zur Unmittelbarkeit*”... Chữ “*in ihm*” (“*trong nó*”) có nghĩa là gì? Bản dịch tiếng Anh của G. S. H dịch là: “*Its inward shining is...*”; bản tiếng Pháp của Bourgeois dịch là: “*Son paraître dans-elle-même est la suppression...*”, nghĩa là, cả hai cùng hiểu chữ “*in ihm*” là “*trong chính mình*” hay “*trong chính nó*”: “*Sự ánh chiếu của bản chất ở trong chính mình là...*”. Đúng là trong bản năm 1817, Hegel đã viết: “*Sein Schein in ihm selbst ist...*”, nhưng trong bản năm 1830, Hegel không viết “*Sein Schein*” (“*ánh tượng của nó*”) mà viết “*Sein Scheinen*” (“*sự ánh chiếu của nó*”) và cũng không viết “*in ihm selbst*” (“*trong chính mình*”) mà viết “*in ihm*” (“*trong nó*”). Do đó, các tác

thuần túy là *sự thái hồi* hay *sự thủ tiêu chính mình* để trở thành sự trực tiếp của *sự hiện hữu* (tiểu mục 2) và, sau đó, của *sự vật* (tiểu mục 3). Chính việc tự thái hồi chính mình của bản chất để lại trở thành *sự trực tiếp* của sự hiện hữu và sự vật cho ta hiểu tại sao bản chất lại “phải xuất hiện ra”.

- Sự trực tiếp này của sự hiện hữu và của sự vật mang theo nó hai mômen của *cơ sở* (cơ sở đã bị “chìm đắm” trong sự trực tiếp!), đó là: sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác (§§121, 123, 129). Vì thế, sự vật (hiện hữu trực tiếp), với tư cách là sự phản tư-trong-mình, là sự bền vững (Bestehen / subsistence / consistance) hay *chất liệu* (§§126-130) cũng như, với tư cách là sự phản tư-trong-cái khác, là *hình thức* (§§128-130) và như thế, là sự bền vững *tự thái hồi*. Sự bền vững mang tính chất liệu (vật chất) của sự vật bị phủ định từ bên trong bởi hình thức, vì hình thức quy định và làm chủ sự mờ đục của chất liệu. Trong Lôgic của Bản chất, các phạm trù phủ định bao giờ cũng tác động lên các phạm trù khác cho tới khi xuất hiện sự “hòa giải” tuyệt đối giữa sự trực tiếp và sự trung giới, giữa tính khẳng định và tính phủ định của Tồn tại và Bản chất ở trong Khái niệm về sau. Vì thế, Hegel nhấn mạnh trong Chính văn: đó là “một sự bền vững *tự thái hồi*” (*sich aufhebendes Bestehen / subsistence sublatiing itself / une consistance qui se supprime*) do sự mâu thuẫn của chính nó (§130). Từ nay, toàn bộ bộ máy khái niệm ấy cần được huy động để hiểu mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng.
- Sự “ánh hiện” (Scheinen / paraître) nói chung là quy định đặc trưng của bản chất, làm cho bản chất là bản chất chứ không còn là tồn tại. Trái ngược với tồn tại, bản chất là tính động thuần túy, là tính phủ định và sự trung giới vô hạn. Với nghĩa

giả Pháp (Vera, Gandillac, A. Léonard...) không đồng ý với cách dịch trên của Bourgeois (và mặc nhiên, cả của G. S. H trong tiếng Anh) và hiểu là: “Son paraître (de l’essence) est *en elle* la suppression”... theo đó, câu này có nghĩa: “Sự ánh hiện của nó [của bản chất] là sự thủ tiêu ở trong bản chất”... chứ không phải “sự ánh hiện của bản chất *trong chính mình*” (bởi nếu thế, ắt Hegel sẽ viết: “Sein Scheinen *in ihm selbst*” hay “Sein Scheinen *in sich (selbst)*”). Chúng tôi thấy cách hiểu của ba tác giả Pháp vừa nêu hợp với nội dung và mục đích của §131: vạch rõ tính phủ định của việc ánh chiếu chứ không chỉ định nghĩa sự ánh chiếu.

tư biện của chữ “ánh hiện”, bản chất là Logos trong sự “lóa sáng” và “bùng nổ”, lan tỏa tia sáng (phủ định).

- Nhưng, sự ánh hiện này của bản chất cũng có *một sự phát triển*, vì thế, Hegel viết: “sự ánh hiện *đã phát triển* chính là hiện tượng”. Thế nào là “đã phát triển”? Ta thấy rằng, ở cấp độ của sự phát triển *bên trong* sự phản tư hay của sự “ánh hiện” của bản chất, trước hết ta có bản thân *ánh tượng* (*Schein*), tức cái *tàn dư* của tồn tại ngay trong lòng của bản chất và được thiết định trong bản chất bởi vận động của chính bản chất. Vì sự ánh hiện thuần túy của bản chất – như là tính phủ định vô hạn – không phải không có “ánh tượng” nội tại để sự ánh hiện vừa là sự thiết định, vừa là sự phủ định đối với ánh tượng. Nhưng, sự ánh hiện hay sự phản tư của bản chất không chỉ tự phát triển *bên trong* bản chất. Thật thế, với tư cách là *cơ sở*, bản chất chuyển sang *sự hiện hữu* (trong đó sự trực tiếp được kết hợp với tính phủ định của bản chất không chỉ có sự không-bền vững của một ánh tượng mà có sự bền vững của một cái đang hiện hữu) và sau đó, chuyển sang *sự vật*, hợp nhất bản chất với sự trực tiếp thực tồn (mà không xóa bỏ sự tự trị của mỗi bên).
- Với sự phát triển ấy của sự ánh hiện (“*sự ánh hiện đã phát triển*”) có vẻ như sự trực tiếp của sự hiện hữu và của sự vật chiếm ưu thế. Nhưng, như đã thấy, sự bền vững của sự trực tiếp này là một “*sự bền vững tự thái hồi*” và sẽ tiếp tục làm mới cho tính phủ định của bản chất. Từ đó, bản chất không chỉ hiện diện một cách trực tiếp trong sự hiện hữu và bị hòa tan trong sự hiện hữu, trái lại nó *hoàn toàn xuyên qua sự hiện hữu* để “xuất hiện ra”. Mang đầy tính phủ định của bản chất, sự hiện hữu từ nay không gì khác hơn là một “*hiện tượng*” của bản chất, hay, nói cách khác, sở đắc vị thế của sự tồn tại do chính sự phủ định của mình, là nơi bản chất không còn tự giới hạn ở việc “ánh hiện” *ở bên trong chính mình* mà “xuất hiện ra” bên ngoài mình, *xuyên qua sự bền vững bị phủ định của cái trực tiếp*. Vậy, hiện tượng chính là “sự ánh hiện đã phát triển” của bản chất. Là sự “ánh hiện” của bản chất, hiện tượng, về mặt nào đó, vẫn là “ánh tượng” của bản chất, nhưng là một ánh tượng *đang hiện hữu*, vì thế, như là “sự ánh hiện đã phát triển”; hiện tượng có được sự bền vững *độc lập* nhưng sự bền vững ấy cũng chỉ là sự bền vững của một *mômen* của bản chất.

Từ đó, hiện tượng luôn phô bày cùng một cấu trúc *đầy mâu thuẫn* giống như bản chất. Trước khi đi đến chỗ hợp nhất bản chất và hiện tượng (trong các phạm trù “*sự quan hệ*”: §135 và tiếp, và nhất là trong “*hiện thực*”: §142 và tiếp), câu cuối cùng của phần *Chính văn* nhấn mạnh sự kiện: bản chất là hoàn toàn nội tại ở trong hiện tượng.

- Thật thế, như đã thấy từ §123, bản chất không nằm “ở đằng sau” sự hiện hữu vốn xuất phát từ nó như là cơ sở. Chính bản thân bản chất và toàn bộ bản chất đi vào sự hiện hữu. Sự hiện hữu, vì thế, mang theo toàn bộ tính phủ định của bản chất. Vì thế, sự hiện hữu tan vỡ trong sự mâu thuẫn và tự giải thể thành hiện tượng. Khi “bản chất” hiện hữu, thì sự hiện hữu chỉ là hiện tượng *của* bản chất. Hegel viết câu kết luận rõ ràng hiếm thấy: “*Vậy, bản chất không nằm ở phía đằng sau hiện tượng hay ở phía bên kia của hiện tượng mà chính qua việc bản chất hiện hữu, nên sự hiện hữu là hiện tượng*”.

Sau phần dẫn nhập này, ta đi vào Logic của bản thân hiện tượng, gồm ba tiêu mục: *a: thế giới hiện tượng; b: nội dung và hình thức; c: sự quan hệ*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §132

a. Thế giới hiện tượng

- Ta đã thấy ở §123 rằng khi ra khỏi các quy định thuần túy của sự phản tư, Ý niệm logic tự thể hiện không chỉ trong *sự hiện hữu* nói chung mà trong *những cái đang hiện hữu*. Ở đây cũng thế, khi xuất phát từ bản chất như là cơ sở của sự hiện hữu, ta không làm việc với *hiện tượng* nói chung mà với *những hiện tượng*, hay nói như Hegel, với *cái đang xuất hiện ra* (*das Erscheinende / something that appears / l'apparaissant*), sau đây, tạm gọi là “*cái tồn tại-hiện tượng*” để dễ phân biệt (lưu ý: chữ “*das Erscheinende*” không biểu thị “bản chất đang xuất hiện ra” mà biểu thị *cái đang hiện hữu* là nơi diễn ra sự xuất hiện này).

- Tồn tại-hiện tượng hiện hữu giống như sự vật đã hiện hữu, nhưng theo kiểu: sự bền vững của nó *lập tức bị thải hồi*. Cái đang hiện hữu của §123 chỉ là “tương đối”, phụ thuộc, được đặt cơ sở, còn tồn tại-hiện tượng có điểm mới là chứng kiến sự hiện diện phủ định của bản chất, rằng nó lập tức là một mômen bị thải hồi bởi tính phủ định của bản chất, điều chưa thể hiện minh nhiên trong lôgic của sự hiện hữu trước đây.
- Nói khác đi, sự bền vững của tồn tại-hiện tượng chỉ là *Một* mômen của hình thức (nur *ein* Moment / only *One* moment / un *seul* moment). Điều này có nghĩa là gì? Từ §128, ta biết rằng hình thức không gì khác hơn là tính phủ định dị-biệt hóa của bản chất trong chừng mực bản chất không còn là một quy định thuần túy phản tư mà là một *toàn thể* hiện hữu trực tiếp có mômen thứ hai là tính khẳng định vật chất của một sự bền vững trực tiếp. Ở đây, ta cũng gặp lại ưu thế của tính phủ định đối với tính trực tiếp (vốn là đặc trưng cho toàn bộ Lôgic của Bản chất) nhưng có phần giảm nhẹ bởi sự bền vững của tồn tại-hiện tượng chỉ là *một* mômen của hình thức, và hình thức còn bao hàm trong nó sự bền vững của *chất liệu* như là một trong các quy định của nó như đã được thiết lập ở §129.
- Phép biện chứng dẫn dắt sự vật thành hiện tượng đã lấy lại (ở cấp độ của sự hiện hữu) mọi quy định thuần túy của sự phản tư từ *sự đồng nhất* cho đến *cơ sở*. Tiến trình này hoàn tất ở §132 này, khi bản chất xuất hiện hoàn toàn trong lòng sự hiện hữu như là nền tảng biến sự hiện hữu hoàn toàn trở thành hiện tượng của bản chất. Như thế, tồn tại-hiện tượng có *cơ sở* của nó – tức có sự thiết định lẫn sự phủ định của nó – trong hình thức trong chừng mực hình thức là bản chất phủ định của nó, là sự phản tư-trong-mình đích thực của nó đối lập lại với sự trực tiếp thô mộc của nó. Có nghĩa là: tồn tại-hiện tượng, vì lẽ không còn là một cái đang tồn tại đơn giản mà là một hiện tượng của bản chất, không có giá trị nhờ vào sự trực tiếp của nó, trái lại, chỉ có giá trị, chỉ là chính mình, chỉ phản tư-trong-mình, chỉ có cơ sở trong chừng mực nó phục tùng tính phủ định của hình thức. Và bởi lẽ ta không còn ở trong sự phản tư thuần túy của bản chất, nên hình thức nói ở đây không phải là hình thức thuần túy trừu tượng của tính phủ định nói chung mà là một hình thức đang hiện hữu và được *chất liệu hóa, vật chất hóa*, một hình thức được quy định cụ thể. Từ nay, vì lẽ sự bền vững hay chất liệu chỉ là một trong các quy định của

hình thức, nên mỗi tồn tại-hiện tượng trực tiếp không gì khác hơn là một sự cố định tạm thời, một quy định thoáng qua đến từ sự quay trở về chính mình của tính phủ định cụ thể của hình thức.

- Tồn tại-hiện tượng có cơ sở của nó trong hình thức phủ định vốn là bản chất của nó, nhưng vì bản thân cơ sở này cũng chỉ là một quy định khác của hình thức, nên cơ sở của tồn tại-hiện tượng cũng là một tồn tại-hiện tượng chứ không phải một “thế giới” giấu mình ở phía sau, bởi bản chất làm cơ sở không phải ở đằng sau hay ở phía bên kia hiện tượng mà là một *tồn tại-hiện tượng khác*.
- Sự bền vững của tồn tại-hiện tượng được trung giới bởi sự không-bền vững của chính nó, và sự không bền vững này lại là sự bền vững cũng tạm thời của một cái khác v.v... Nghịch lý này cho thấy hiện tượng thực sự mang tính bản chất, thực sự mang đặc trưng phủ định của bản chất và thực sự là hiện tượng *của* bản chất.
- Thoạt nhìn, sự trung giới vô hạn này thuộc về một cái vô hạn *tối* trong chừng mực nó mở ra một sự kết nối theo kiểu móc xích vô tận của sự hiện hữu hiện tượng. Nhưng, đừng quên rằng sự trung giới vô hạn này đồng thời cũng là một sự thống nhất của mối quan hệ với mình, theo nghĩa toàn bộ những tồn tại-hiện tượng và những quan hệ qua lại của chúng rút cục tạo nên một thế giới duy nhất của hiện tượng nói chung. Nói khác đi, sự đa tạp của những tồn tại-hiện tượng không bền vững có được sự bền vững của một toàn thể được thống nhất hóa trong quan hệ khẳng định với chính nó. Sự hiện hữu đã phát triển thành *một toàn thể*, thành một *THẾ GIỚI* hiện tượng theo thuật ngữ của Kant.
- Đây không còn là một thế giới của *những cái đang hiện hữu* mà của hiện tượng, nghĩa là của sự *hữu hạn* giống như trường hợp của cái đang hiện hữu trực tiếp, nhưng là của sự hữu hạn *đã phản tư*, nghĩa là hoàn toàn được tước bỏ khỏi sự trực tiếp của nó, đã được trải qua sự phản tư của bản chất mà mạng lưới của những sự quan hệ hay của những sự phản tư giữa những hiện tượng cho thấy rõ rệt tính phủ định vô hạn của bản chất.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §133

b) Nội dung và hình thức

- Thế giới hiện tượng, do tính đa tạp và tính phủ định (qua đó sự bền vững của mỗi tồn tại-hiện tượng được trung giới bởi sự không-bền vững của chính nó), là thế giới của *sự ngoại tại* đối với nhau giữa những tồn tại-hiện tượng. Nhưng, vì là một “thế giới”, nên nó cũng là một “toàn thể”, theo nghĩa, dù có sự khác biệt với nhau, những tồn tại-hiện tượng khác nhau hình thành một toàn bộ thống nhất và mạch lạc. Cái toàn bộ này không gì khác hơn là sự thống nhất được tạo nên bởi *mối quan hệ với chính mình* của hiện tượng.

- Nhưng, bước ngoặt tư biện quan trọng ở đây là: vì lẽ tính ngoại tại đối với nhau, tức tính phủ định dị biệt hóa của thế giới hiện tượng cũng hoàn toàn được bao hàm ở trong sự quan hệ với chính mình của thế giới ấy, nên quan hệ với chính mình này không quy giảm thành một sự đồng nhất hay một sự khẳng định trừu tượng, trái lại, mang trong mình sự khác biệt và tính phủ định của hình thức. Quan hệ với chính mình của hiện tượng là được quy định vì nó mang trong mình *hình thức* là cái, nhờ tính phủ định của nó, là nguồn gốc và nơi diễn ra mọi sự quy định. Hình thức ở đây không còn che giấu (như ở §129) sự đồng nhất của nó với chất liệu, trái lại, hình thức tự đồng nhất hóa với tính toàn thể của thế giới hiện tượng, nghĩa là, như là “sự bền vững” (Bestehen). Sự bền vững này của hình thức trong lòng tính toàn thể của thế giới hiện tượng không còn là sự bền vững còn quá trực tiếp của “chất liệu” trong các tiểu đoạn trước, mà là sự bền vững *của* hình thức, nghĩa là sự bền vững đã trải qua tính phủ định, sự bền vững mang tính bản chất. Nói cách khác, hình thức tự khẳng định như là *sự bền vững* mang tính bản chất của hiện tượng trong tính toàn thể của nó. Theo nghĩa đó, hình thức chính là *NỘI DUNG* (*Inhalt / content / contem*) của hiện tượng. Nội dung khác với chất liệu, dù ta quen với cặp đối lập: chất liệu-hình thức và nội dung-hình thức. *Tự nó, chất liệu là cái gì đứng đưng với hình thức, trong khi đó, nội dung chỉ thực sự là một nội dung (In-halt) trong chừng mực nó giữ lại và chứa đựng (enthalten) hình thức bên trong nó.* Ở đây,

ta có sự đồng nhất tư biện của hình thức và nội dung, khác xa với mọi sự phân biệt sai lầm và hời hợt của giác tính.

- Sự đồng nhất của hình thức với nội dung, bước chuyển có vẻ nghịch lý từ hình thức sang nội dung sẽ dễ hiểu hơn nếu ta nắm bắt quy định đã phát triển của nó, đó là: *hình thức* chính là *QUY LUẬT* của hiện tượng, và, với tư cách là quy luật của hiện tượng, hình thức là bản thân nội dung của hiện tượng. Trong “*quy luật*” điều tiết chuỗi hiện tượng, ta gặp lại phương diện khẳng định và ổn định của nội dung lẫn phương diện phủ định và năng động của hình thức, điều ấy cho thấy rõ: quy luật-hình thức là nội dung nhưng vẫn là hình thức đích thực. Tại sao?
- Trước hết, đó là nội dung tư biện của “*quy luật*” (*Gesetz*) quy định sự xuất hiện của những quy định khác nhau của hiện tượng. Trong quy luật của hiện tượng, ta gặp lại không những tính bản chất khẳng định mà cả tính bản chất phủ định của hiện tượng, nghĩa là cả nội dung lẫn hình thức. Qua quy luật, hai hay nhiều tồn tại-hiện tượng được “nối kết” lại với nhau (theo nghĩa từ nguyên Latinh: *lex, ligare*), và qua quy luật (*Gesetz*), hai hay nhiều tồn tại-hiện tượng được *thiết định* (*setzen*) cái này với cái kia hay những cái này với những cái kia. Trong sự nối kết và thiết định tương hỗ này của những tồn tại-hiện tượng có cả hai phương diện: bền vững và không bền vững, khẳng định và phủ định được bàn trong quan hệ giữa nội dung và hình thức.
- Khi thiết lập sự nối kết, quy luật làm cả hai việc: một mặt, khi một tồn tại-hiện tượng được thiết định, thì một tồn tại-hiện tượng khác cũng được thiết định (phương diện “bền vững”); mặt khác, khi mỗi tồn tại-hiện tượng chỉ được nối kết và thiết định với cái khác trong chừng mực nó chuyển sang cái khác và bị cái khác phủ định hoặc, ngược lại, phủ định và thải hồi cái khác ở trong nó (phương diện “không bền vững”). Hiểu trong tính toàn thể đã phát triển như thế, quy luật của hiện tượng là sự thống nhất tuyệt đối của nội dung và hình thức của nó. *Quy luật-hình thức* không phải là một công thức ở bên ngoài thế giới hiện tượng mà là bản thân tính phủ định và sự vận động của sự phản tư và của sự phát triển của *nội dung* của nó. Còn *Quy luật-nội dung* không phải là một sự trừu tượng lạnh lùng, nơi đó tính khẳng định của thế giới hiện tượng đông đặc lại một cách phiến diện mà chỉ là bản thân

sự bền vững và sự ổn định của thế giới hiện tượng với tư cách là tính năng động và sự trung giới toàn diện.

- Khái niệm “tính hiện tượng” không chỉ gợi lên ý tưởng về sự hợp quy luật và tính trật tự của *thế giới* hiện tượng mà cả tính đa tạp, tính biến dịch, tính phù du của một thế giới *đơn thuần* hiện tượng. Như thế, những gì có ý nghĩa “tiêu cực” sẽ được gán cho *hình thức* của hiện tượng như là cái gì không phản tư-trong-mình mà chỉ là vận động phủ định của sự phản tư-trong-cái khác. Khi mômen ấy bị tách rời một cách trừu tượng, hình thức sẽ không trùng hợp với nội dung mà là sự phủ định trừu tượng và mù quáng đối với nội dung. Bây giờ, nó là *hình thức bên ngoài* đối với nội dung, đứng dung với các quy định cụ thể của nội dung: nó nối kết các quy định của nội dung nhưng không tạo ra được trong chúng một sự mạch lạc tích cực. Phần *Nhận xét* cho §133 sẽ cho thấy rằng hình thức ngoại tại ấy thể hiện ra như một sự hiện hữu đứng dung với nội dung mà không một quy luật bản chất nào có thể khắc phục hoàn toàn.

- Phần Nhận xét cho §133

- Lĩnh vực của Bản chất – như đã nói – là lĩnh vực của sự mâu thuẫn được thiết định chứ chưa được giải quyết (§114). Điều này chứng tỏ ngay trong trung tâm của Logic học về Bản chất khi nội dung và hình thức được thiết định như là vừa đồng nhất, vừa đối lập nhau, nhưng chưa được giải quyết như là một nhất thể tuyệt đối.
- Trong khi chờ đợi, khi sự đối lập giữa hình thức và nội dung được đặt ra theo kiểu siêu hình học, điều cốt yếu cần khẳng định là: nội dung không thể tồn tại mà không có hình thức, không thể thực sự đứng dung với hình thức. Ngược lại, mọi nội dung đích thực đều có hình thức *ở trong chính mình* và đồng nhất với nó. Còn hình thức thì kết hợp không thể tách rời hai mômen: sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác. Nghĩa là: hình thức vừa nội tại (immanent) trong nội dung, vừa đồng thời là *cái gì ngoại tại*, vượt khỏi nội dung một cách phủ định và trừu tượng. Vậy, ta có ở đây *sự nhân đôi* của hình thức: khi phản tư-trong-mình, nó là bản thân nội dung trong tính năng động có trật tự của nó; khi không-phản tư-trong-mình, là hình thức đứng dung và ngoại tại, là hình thức phủ định một cách trừu tượng.

- Tuy nhiên, như đã thấy ở §132, trong hiện tượng, hình thức không còn là một quy định *thuần túy* của sự phản tư mà là một hình thức *đang hiện hữu*, nghĩa là, được “chất liệu hóa”, “vật chất hóa”. Do đó, ngay khi nó là hình thức phủ định trừu tượng do không-phản tư-trong-mình thì nó vẫn là một hình thức *đang hiện hữu*, nhưng ngoại tại, đứng dung với nội dung: trong trường hợp đó, bản thân nó cũng là một *nội dung* nhưng là một nội dung *không-bản chất*, trực tiếp và đứng dung với nội dung đúng thật. Chính ở đây, sự nhân đôi này tái diễn một lần nữa và là sự kịch phát của sự đối lập giữa cái bản chất và cái không-bản chất, giữa cái được phản tư và cái trực tiếp vốn là đặc trưng của Lôgíc học về Bản chất.
- Tuy nhiên, “định mệnh” (hay sự quy định bản chất) của hình thức và nội dung là cái này phải chuyển sang cái kia và trở thành *một*, nói khác đi, trở thành *một sự quan hệ tuyệt đối* (*das absolute Verhältnis / the absolute relationship / le rapport absolu*) giữa cái trực tiếp và cái trung giới, giữa sự hiện hữu và bản chất, hay, chính xác hơn, giữa nội dung và hình thức. Quan hệ tuyệt đối này giữa nội dung và hình thức nằm ở sự **CHUYỂN HÓA** (*das Umschlagen / the overturning / le renversement*) của cái này trong cái kia: hình thức thành nội dung (hướng theo sự bền vững của nội dung) và nội dung thành hình thức (do tính hợp quy luật của hình thức). Nhưng, ở đây, sự chuyển hóa tuyệt đối này mới ở *dạng tiềm năng*: nội dung không gì khác hơn là *sự chuyển hóa của hình thức* thành nội dung; và hình thức không gì khác hơn là *sự chuyển hóa của nội dung sang hình thức*.
- **Sự chuyển hóa** là một trong các quy định quan trọng nhất của Lôgíc học vì nó hợp nhất – ngay trong lòng sự triển khai của Lôgíc học – sự trực tiếp và sự trung giới, giữa tồn tại và bản chất, vốn là hai vế cơ bản của Logos. (Chú ý: trong lĩnh vực Tồn tại, ta chỉ thấy có sự “*quá độ*”, sự “*chuyển sang nhau*” / *das Übergehen / passage / transition*) chứ tuyệt nhiên chưa thể có *sự chuyển hóa*). Tuy nhiên, *quan hệ tuyệt đối* giữa hình thức và nội dung và *sự chuyển hóa hoàn chỉnh* của cả hai sang nhau chỉ mới có mặt ở đây (§133) trong trạng thái **tự-mình** (mặc nhiên, tiềm năng). Ở đây, chúng tuy “*quá độ*” sang nhau, nhưng, tự mình, vẫn còn giữ một sự hiện hữu trực tiếp, một sự “*tự trị*” tĩnh tại theo cách nói quen thuộc: hình thức một đằng, nội dung một nẻo.

Sự chuyên hóa hoàn chỉnh sẽ chỉ *được thiết định* bởi bản thân chúng (chứ không phải ở trong một sự phản tư từ bên ngoài như hiện nay) trong “*quan hệ tuyệt đối*” đúng nghĩa từ §§150 và tiếp. Chỉ ở đó mỗi quan hệ giữa hai phạm trù sẽ cùng vượt bỏ trong sự đồng nhất tuyệt đối. Vì thế, ở §134 dưới đây, ta chưa thực sự làm việc với “*quan hệ tuyệt đối*” mà chỉ bắt đầu với “*quan hệ*” đơn giản mà thôi.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §134

Tiểu đoạn §134 chỉ gồm hai câu, nhưng đều rất khó hiểu:

- Ở câu thứ nhất, ta hỏi: tại sao Hegel bảo rằng: “sự hiện hữu *trực tiếp* là tính quy định của bản thân sự bền vững cũng như của hình thức”? Tại sao sự hiện hữu *trực tiếp* “là ngoại tại đối với tính quy định của nội dung nhưng tính ngoại tại ấy lại là có tính bản chất đối với nội dung”?

Trước khi sang câu hai với định nghĩa về “*sự quan hệ*”, ta thử cố gắng trả lời các câu hỏi khá tối tăm trên đây.

- Trong chừng mực không-phản tư-trong-mình, hình thức không chuyên hóa thành nội dung mang tính bản chất và hợp quy luật mà thành sự hiện hữu *trực tiếp*, ngoại tại và đứng dung với nội dung. Sự hiện hữu *trực tiếp* này là một tính quy định của hình thức vì chính bản thân hình thức – không-phản tư-trong-mình – tự chất liệu hóa hay vật chất hóa một cách nào đó. Nhưng, khi sự bền vững hay chất liệu là một trong các quy định của hình thức (§132) hay nói cách khác, vì lẽ hình thức – ngay bên trong thế giới hiện tượng – thể hiện như là sự bền vững có tính bản chất và là nội dung của thế giới này (§133), thì sự hiện hữu *trực tiếp* vừa là một tính quy định của bản thân sự bền vững, vừa của hình thức. Điều này có nghĩa: sự *trực tiếp* của hiện hữu không chỉ tác động đến nguyên tắc hình thức của sự triển khai của hiện tượng mà cả đến nội dung của nó. Tại sao? Vì bản chất không phải là cái gì ở đằng sau hay ở bên kia hiện tượng, và hiện tượng không gì khác hơn là sự hiện hữu đã được phủ định bởi bản chất, nên *có vẻ như*, trong thế giới hiện

tượng, sự hiện hữu trực tiếp hoàn toàn được bản chất tiếp thu, và do đó, không tạo nên cái gì khác hơn là nội dung hợp quy luật cho hiện tượng của bản chất; nói cách khác, một khi được thu hồi trọn vẹn, sự hiện hữu trực tiếp chỉ còn là một mômen có tính ý thể (được thả hồi) của bản chất mà sự trực tiếp của nó chỉ có tính “hình thức” vì nó nằm gọn trong vận động thuần túy của bản chất. Nhưng, *trong thực tế*, không hẳn như thế ! Cả tính phủ định của bản chất lẫn tính khẳng định của sự hiện hữu không gói gọn trong khuôn khổ hợp quy luật của cặp nội dung-hình thức. Cả hai thể hiện ra bên ngoài (trong tính ngoại tại triệt để) của một sự hiện hữu *trực tiếp* về hình thức lẫn nội dung, chẳng hạn, trong lĩnh vực ngoài lôgic, là sự hiện hữu *tự nhiên*, hay, trên bình diện lôgic, như là sự trực tiếp chưa được phạm trừ hóa ngay khi xuất hiện ban đầu. Chính vì thế, Hegel bảo rằng sự hiện hữu *trực tiếp* là một tính quy định của bản thân sự bền vững cũng như của hình thức và sự trực tiếp của nó tác động đến bản thân nội dung của Logos. Như thế, *lại có vẻ như* hình thành một *cái bên ngoài-tuyệt đối* mà Tư duy không bao giờ có thể thu hồi được. Nhưng, *sự thật* cũng sẽ không phải như thế ! Tuy ở đây có sự ra đời của tính ngoại tại này, nhưng sức mạnh và sự tự do của Tư duy (như sẽ thấy!), nhờ vào một tính quy luật cao hơn, sẽ đủ sức thu hồi *cái khác tuyệt đối này của chính mình* (dù vẫn bảo lưu sự bền vững của nó). Nhưng, trong khi chờ đợi, chỉ có thể khẳng định rằng nếu sự hiện hữu trực tiếp là *ngoại tại* đối với tính quy định của nội dung thì bản thân tính ngoại tại này cũng *có tính bản chất* đối với nội dung, vì: sự hiện hữu trực tiếp rút ra mômen của sự bền vững (chính mômen này định nghĩa nó như là nội dung) bằng cách *đổi lập* lại với hình thức.

Vậy, khi nội dung “hiện hữu bền vững” ở bên ngoài mọi hình thức hợp quy luật, thì nội dung gắn liền với sự trực tiếp và “hình thành một cách bền vững” (besteht / consist) từ những sự hiện hữu trực tiếp ấy! Ta lưu ý đến sự nối kết giữa “tính bản chất” và “tính ngoại tại” vì điều này sẽ xác định nội dung tư biện ở *câu thứ hai*, khi hiện tượng sẽ được định nghĩa như là “*quan hệ*” (Verhältnis / relation / rapport), nghĩa là, trong chừng mực hiện tượng nối kết *tính ngoại tại của tồn tại* và *sự trung giới* của bản chất. Bây giờ, ta bước sang câu thứ hai.

- **“Được thiết định như thế, hiện tượng là quan hệ”...**

“Được thiết định như thế” tức được xác định như là trò chơi tương tác giữa tính bản chất và tính ngoại tại, hiện tượng là “*quan hệ*”. Chữ “quan hệ” (Verhältnis) trong tiếng Đức rút ra từ động từ “sich verhalten” có cả hai nghĩa: một sự hiện hữu “có mối tương quan” (Pháp: “se rapporte”) với một cái khác, đồng thời “hành xử” (“se comporte”) theo một cách nào đó. Vậy, sự Quan hệ (có thể viết hoa theo đề nghị của Bourgeois trong bản dịch tiếng Pháp để phân biệt với “quan hệ về lượng” (§§105-106) ở cấp độ Tồn tại) nói lên ý tưởng về một sự hiện hữu độc lập-tự tồn, quan hệ với một cái khác bằng một sợi dây liên kết khá lỏng lẻo và có một sự phân ly, tách rời nào đó. Quan hệ (bản chất) này là ở chỗ: *Một và cùng một cái*” (*ein und dasselbe / one and the same / une seule et même chose*) **vừa** thể hiện như là tính ngoại tại và sự đối lập giữa những hiện hữu trực tiếp, độc lập-tự tồn, **vừa** như là mối quan hệ đồng nhất, vì chỉ trong đó các hiện hữu khác biệt mới đích thực là chúng. Hegel gọi cái “một và cùng một cái” này là *bản thân nội dung của hiện tượng* (của Bản chất).

- Câu đầu đã cho thấy nội dung bị tác động bởi một tính ngoại tại – tức tính ngoại tại của sự hiện hữu *trực tiếp* –, nhưng tính ngoại tại này cũng có tính bản chất đối với nội dung. Vậy, chính bản thân nội dung (của bản chất xuất hiện ra như hiện tượng) là cái đi vào trong Quan hệ. Song, đây không còn là nội dung tĩnh tại, đối lập lại hình thức một cách trừu tượng (như trong sự hình dung của giác tính) mà là nội dung năng động, với tư cách là “*hình thức đã phát triển*”. Nói khác đi, nội dung (của bản chất-hiện tượng) chỉ được thiết định như là Quan hệ trong chừng mực nó thể hiện ở đây như là hình thức đã phát triển và gắn liền với vận động phủ định của hình thức. Hegel nhấn mạnh một ý quan trọng: vận động này của hình thức là nhị bội, hai mặt:
 - trong chừng mực không-phản tư-trong-mình, vận động phủ định bên ngoài của hình thức dẫn đến việc thiết định những sự hiện hữu ngoại tại, đứng dung với nội dung, trực tiếp và độc lập-tự tồn. Trong trường hợp đó, Quan hệ là ở chỗ: nội dung – tức bản chất-hiện tượng – thể hiện như là tính ngoại tại và sự đối lập (Entgegensetzung / opposition) của những hiện hữu độc lập-tự tồn. (Tại sao “đối lập”? Vì, khi không-

phản tư-trong-mình, hình thức là sự khác biệt thuần túy và rút cục là sự đối lập).

- trong chừng mực phản tư-trong-mình, vận động của hình thức là thiết định quy luật của hiện tượng, nối kết chúng bằng quy luật bản chất, thủ tiêu sự độc lập-tự tồn của chúng. Và chính *sự đồng nhất* của bản chất (tức tồn tại-trong-mình; tồn tại-tự-mình-và-cho-mình của bản chất) sẽ thâm nhập vào những cái hiện hữu trực tiếp bằng cách trung giới chúng, quy chiếu chúng vào nhau và, rút cục, đồng nhất hóa chúng lại. Trong trường hợp đó, Quan hệ là ở chỗ: nội dung – tức bản chất-hiện tượng – thể hiện như là quan hệ đồng nhất của những hiện hữu tự tồn này.
- Vậy, Quan hệ đúng nghĩa, tức là bản thân hiện tượng bản chất kể từ nay, là sự kết hợp cả hai vận động song đôi ấy của hình thức trong một nội dung duy nhất (vận động song đôi ấy là hình thức mới của việc “đẩy và hút” trước đây: mang lại sự tự do ra bên ngoài cho sự hiện hữu trực tiếp, đồng thời trung giới và quy về sự đồng nhất đối với những sự hiện hữu có sự độc lập-tự tồn phù du của những tồn tại-hiện tượng).

Ở đây, ta chưa làm việc với sự thống nhất tuyệt đối ở cấp độ Khái niệm giữa Tồn tại và Bản chất, giữa sự trực tiếp và sự phản tư mà chỉ mới làm việc với “*Quan hệ*” giữa chúng ngay trong lòng thế giới hiện tượng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §135

Quan hệ

Ta ôn lại mấy điểm quan trọng:

- “Quan hệ” vừa được nêu trên đây tuy chưa phải là “*Quan hệ tuyệt đối*” (hay còn gọi là *Bản thể / Substance* (§150)), càng chưa phải là Khái niệm, nhưng nó không còn là quan hệ đơn

giản về lượng ở §105 trước đây, tức không chỉ diễn tả sự tương đương giữa hai đại lượng trực tiếp, chẳng hạn như trong quan hệ $a = b/c$ hay $2 = 6/3$, mà là *sự đồng nhất*, tuy còn trực tiếp, giữa nội dung duy nhất của bản thể-hiện tượng và sự nhân đôi hình thức qua đó nội dung triển khai như sự đối lập của các sự hiện hữu trực tiếp, chẳng hạn (như sẽ bàn trong §135 này) quan hệ giữa “những bộ phận” với “cái toàn bộ”. Trong *Quan hệ*, Bản chất sẽ cho thấy bản tính của nó: nội dung hiện tượng của nó chỉ đồng nhất với mình trong chừng mực nó đồng thời kết hợp với tiến trình hình thức dị biệt hóa, qua đó bản chất có được sự bền vững, hay nói đơn giản: “hình thành” (besteht / consist) từ những hiện hữu tự tồn, nhưng những hiện hữu tự tồn này lập tức ra khỏi sự đứng vững của chúng và quay về lại trong sự thống nhất bản chất, vì chỉ trong đó, rút cục, chúng mới có được sự bền vững đích thực. Vì thế, Quan hệ này còn được Hegel gọi là “*Quan hệ bản chất*” ([Đại] Khoa học Lô gíc, II, 136b).

- Như thế, *Quan hệ* (tiểu mục c của Lôgíc học về hiện tượng) sẽ hợp nhất những gì đã bị phân ly trong hai tiểu mục trước: a) “*Thế giới hiện tượng*” và b) “*Nội dung và hình thức*” (quy luật), tức một bên là tính đa tạp trực tiếp của những cái đang hiện hữu và bên kia là mối dây liên kết mang tính phủ định và đồng nhất của quy luật. Theo đó, cái đúng thật không phải là *sự trực tiếp* của thế giới hiện tượng (là nơi sự bền vững bấp bênh của những cái đang hiện hữu bị hình thức (quy luật) phủ định một cách trực tiếp), cũng không phải là *tính hợp quy luật* làm nhiệm vụ trung giới (là nơi tính phủ định của bản chất phản tư-trong-mình một cách quá trực tiếp, không “hội nhập” được tính ngoại tại của hiện hữu trực tiếp). Cái đúng thật chính là *Quan hệ*, nơi đó nội dung – kết hợp với sự vận động hoàn chỉnh của hình thức – thể hiện như là sự hòa giải của hai sự thật bộ phận trước đây theo nghĩa: nội dung *duy nhất* **vừa** thể hiện như là tính ngoại tại và sự đối lập của những hiện hữu độc lập-tự tồn (*phương diện của sự trực tiếp*), **vừa** như là mối quan hệ đồng nhất, chỉ trong đó các hạn từ được phân biệt mới thực sự đúng là chúng (*phương diện của sự trung giới hợp quy luật*). Bây giờ, ta đi vào *Quan hệ* giữa “*cái toàn bộ và những bộ phận*”.

a) Toàn bộ và những bộ phận:

- Giống như trong mọi phép biện chứng lôgic, ta bắt đầu với mômen *trực tiếp* (hay “tồn tại đơn thuần”), ở đây là Quan hệ *trực tiếp*. Sao gọi là “*trực tiếp*”? Ta nhớ rằng, trong §134, khái niệm về Quan hệ nói lên rằng: một và cùng một *nội dung* (hiện tượng) thể hiện ra theo tính toàn thể nhị bội (gấp đôi) của *hình thức*: một bên như là tính ngoại tại và sự *đôi lập* của những hiện hữu độc lập-tự tồn với bên kia là quan hệ *đồng nhất* của chúng, tức quan hệ của sự đồng nhất mà chỉ trong đó các hiện hữu ấy tồn tại đúng như là chúng. *Sự trực tiếp* ban đầu của Quan hệ là ở chỗ: thay vì thể hiện dưới cả hai hình thức của sự đôi lập và sự đồng nhất thì nội dung bắt đầu bằng cách tự đồng nhất hóa với một mômen *duy nhất* trong cả hai (tạo nên về thứ nhất của Quan hệ) còn để về thứ hai cho sự phát triển tính toàn thể của hình thức. Như thế, hai về của Quan hệ rơi ra khỏi nhau trong một sự đứng dừng và ngoại tại với nhau.
- Vậy, ta có về *nội dung*, nhưng nội dung bị cô lập trong tính đồng nhất phiến diện (vì thế là “không-bản chất”) vì thiếu tính phủ định bản chất của vận động gấp đôi của hình thức. Hiểu như thế, nội dung là cái *TOÀN BỘ* (*das Ganze / the whole / le Tout*). Thoạt nhìn, nội dung này (như cái toàn bộ) là độc lập-tự tồn tuyệt đối, nhưng, do sự trực tiếp của nó, mọi sự phong phú của sự trung giới hình thức nằm ở bên ngoài nó, nghĩa là, nó không thực tự tồn mà “*bao gồm những bộ phận*” (*besteht aus den Teilen / consists of the parts / “consiste” dans les parties*) vốn là cái đôi lập với cái toàn bộ và “độc quyền” sự vận động gấp đôi của hình thức. Bây giờ, những bộ phận tạo nên cái bản chất của Quan hệ, và, theo mômen đầu tiên của hình thức, “như là tính ngoại tại và sự đôi lập của những hiện hữu độc lập-tự tồn” (§134). Những bộ phận là khác nhau, đứng dừng với nhau, tự tồn với nhau và với cái toàn bộ.
- Nhưng – và đây là bước ngoặt tư biện – những bộ phận chỉ là những bộ phận trong mối quan hệ đồng nhất của chúng, nghĩa là, trong chừng mực, *nắm chung lại*, chúng tạo nên cái toàn bộ. Vậy, những bộ phận chỉ là chúng khi là những bộ phận của cái toàn bộ. Song, với việc ấy, tình hình đã được chuyển hóa hoàn toàn. Từ nay, mômen thứ hai của hình thức (từ mômen của “quan hệ đồng nhất chỉ trong đó chúng mới là chúng”

(§134) có giá trị trong những bộ phận. Hơn nữa, khi được “*nắm chung lại*” (*zusammengenommen / taken together / prises “ensemble”*), những bộ phận tự phủ định thành cái đối lập của nó, vì “cái tập hợp chung lại” (*das Zusammen / the ensemble / l’ensemble*) chính là cái đối lập và sự phủ định đối với bộ phận xét như là bộ phận, tức là trở thành cái toàn bộ. Tóm lại, được làm phong phú hơn bởi vận động hình thức của những bộ phận (từ nay đồng nhất với nội dung toàn bộ), cái toàn bộ tự khẳng định một cách cụ thể như là hạn từ đầu tiên về Quan hệ.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §136

b) Lực và sự ngoại tại hóa [hay biểu hiện ra bên ngoài] của nó

Để dễ hiểu câu viết quá cô đọng của Hegel, ta đi từ dưới lên trên, tức từ “lực và sự ngoại tại hóa của nó” đến nội dung tư biện của Quan hệ này.

- Quan hệ của lực và sự ngoại tại hóa của nó (ta đã làm quen một cách khá cặn kẽ trong *Hiện tượng học Tinh thần*: Chương III: Lực và giác tính, Sđd, BVNS, tr. 330 và tiếp) là hình thức mới của Quan hệ, không còn là một Quan hệ *trực tiếp* và tĩnh tại nữa như giữa cái toàn bộ và những bộ phận mà là một Quan hệ *trung giới* và *năng động* (chú ý: Hegel nói trong §135 về “cái toàn bộ” và “những bộ phận”, trong khi ở đây, Hegel nói về “lực” và sự “ngoại tại hóa” của nó: giữa hai vế có một sự vận động *liên tục*). Trước hết, cũng như cái toàn bộ, lực là “*một và cùng một*” thực tại kinh qua Quan hệ, và, theo nghĩa đó, là tuyệt đối đứng vững với sự khác biệt. Nhưng, sự tự tồn và tự trị của một lực, do bản tính của nó, là của một hoạt động bền vững đầy mâu thuẫn: tự đẩy mình ra khỏi mình để trở lại với mình (vd: lực và phản lực khi người lực sĩ dậm vào một bao cát). Vậy, lực là quan hệ **với** mình, nhưng là quan hệ *phủ định* với mình. Chính trong chừng mực của sự phản tư-trong-mình mà một lực tự đẩy chính mình và như thế, tự dị biệt hóa trong những biểu hiện của chính nó để tự thiết định trong sự hiện hữu trực tiếp với tư cách là sự phản tư-trong-cái

khác. Trong khi cái toàn bộ – dù “tự-mình” hình thành từ những bộ phận – sẽ ngưng không còn là một cái toàn bộ khi bị phân chia thành những bộ phận, thì lực tiếp tục một cách tuyệt đối trong sự hiện hữu trực tiếp (biểu hiện nó và ngoại tại hóa nó ra bên ngoài): nó chỉ tự bảo tồn nó như là lực ngay trong việc ngoại tại hóa của nó.

- Trong khi những bộ phận – do sự phản tư bên ngoài “nắm lấy trong cái tập hợp chung lại” – tự phủ định chính mình trong cái toàn bộ, thì ngược lại, việc ngoại tại hóa của lực là sự tiếp tục của lực, hay đúng hơn, là sự thể hiện của chính lực. Sự ngoại tại hóa **của nó** là bản thân nó, là lực đồng nhất với mình trong bản thân sự ngoại tại hóa, là “một và cùng một” thực tại mà quan hệ với cái khác là đồng nhất với quan hệ với mình.
- Như thế, ta thấy tại sao trong Quan hệ của lực và sự ngoại tại hóa của nó, mỗi vế của Quan hệ mất đi sự độc lập-tự tồn trực tiếp, hướng đến một sự trung giới tích cực qua đó mỗi bên – do sự thống nhất phủ định của nó với cái khác – chuyển hóa sang bên kia. Tiêu đoạn §137 sẽ rút ra các hệ luận từ cấu trúc mới mẻ này của Quan hệ (bản chất) để chuyển sang Quan hệ thứ ba: Quan hệ giữa *bên trong* và *bên ngoài*. Nhưng, ta cần dừng lại chút ít ở phần *Nhận xét* quan trọng và dài hơn bình thường.

- Phần Nhận xét cho §136:

- “*Nhận xét*” bắt đầu với việc nhìn lại Quan hệ giữa cái toàn bộ và những bộ phận dưới ánh sáng của Quan hệ của lực và sự ngoại tại hóa của nó.
- Quan hệ giữa cái toàn bộ và những bộ phận là Quan hệ dưới hình thức trực tiếp và, do đó, còn thiếu tính tư biện đích thực. Nó chưa có sự trung giới, nên sự chuyển hóa là trực tiếp từ sự đồng nhất-với mình của cái toàn bộ sang sự khác nhau trực tiếp của những bộ phận mà không có đối lập trong chừng mực mỗi bên bị nắm lấy một cách trừu tượng “cho riêng nó” như là một hiện hữu độc lập-tự tồn.
- Hậu quả logic của tình hình này là: vì bất kỳ bên nào cũng được xem là “hiện hữu tự tồn”, nên đều có thể nói: những bộ phận là không bền vững và chỉ có sự bền vững *ở trong* cái toàn bộ, cũng

như cái toàn bộ là không bền vững và chỉ có sự bền vững từ những bộ phận, nghĩa là, khi thì cái này, khi thì cái kia là cái bản chất, rồi lại là *không-bản chất* (sự luân phiên này báo hiệu sơ bộ rằng một lúc nào đó, sự phân biệt giữa “bản chất” và “không bản chất” sẽ không còn nữa, khi bước vào mômen của *hiện thực* và nhất là mômen tự do của Khái niệm ở sau). Ở đây, hậu quả lôgic trực tiếp của nó là Quan hệ *cơ giới* (chẳng hạn ở cái toàn bộ vô cơ) trong đó những bộ phận – thay vì được hợp nhất bằng sự nối kết năng động và toàn bộ của lực – chỉ thể hiện như là độc lập-tự tồn với nhau và với cái toàn bộ.

- Đây cũng là sự *vô hạn tội* nổi tiếng trong các “Nghịch lý” do Kant phát hiện liên quan đến tính khả phân vô tận trong vật chất. Nhưng, sự vô hạn tội này cũng phơi bày sự thật về tính phủ định của Quan hệ này. Thật thế, cái toàn bộ tự phủ định trong bộ phận, rồi bộ phận, đến lượt nó, tự phủ định trong cái toàn bộ và cứ thế đến vô tận. Điều này dẫn tới Quan hệ như là lực tự ngoại tại hóa. Lực là cái toàn bộ đồng nhất với mình, nhưng cái toàn bộ này không còn là tính toàn thể trực tiếp mà là tính nội tại được phân tư, thủ tiêu một cách năng động cái tồn tại-trong-mình và tự ngoại tại hóa trong hiện hữu trực tiếp, đồng thời, sự ngoại tại hóa này, – vì là sự ngoại tại hóa của lực, trong đó lực liên tục một cách tuyệt đối – tiêu biến như là sự trực tiếp ngoại tại và quay trở vào trong lực như một mômen ý thể tuyệt đối trôi chảy và được phân tư trong lực.
- Dù có được sự vô hạn này (tính tuần hoàn của vận động ra bên ngoài và quay về lại chính mình), lực cũng vẫn là *hữu hạn* và mới là sự đồng nhất tuyệt đối giữa hai bên một cách *tự-mình* (mặc nhiên, tiềm năng). Mỗi bên – lực và sự ngoại tại hóa của nó – chưa *minh nhiên* là sự đồng nhất tuyệt đối của mình và của cái khác. Nói ngắn, mỗi bên chưa phải là tính toàn thể minh nhiên của cả hai như sẽ diễn ra sau này ở cấp độ cao hơn (“hiện thực”). Vì sao?
- Vì: Lực vẫn còn cần đến tác động của *sự kích thích* (*Sollizitation*) từ bên ngoài; nó hành động (*wirkt*) một cách *mù quáng*, không quy chiếu đến một *mục đích* hoàn toàn được xác định trong chính nó. Do các khiếm khuyết về mặt *hình thức* ấy (cần đến sự kích thích bên ngoài; hành động mù quáng...), nên *nội dung* cũng bị hạn chế và bất tất (ở §133, ta biết rằng nội dung và hình thức luôn

song đôi, khuyết điểm của cái này luôn dẫn đến khuyết điểm của cái kia). Thế là, nội dung của Quan hệ này chưa thực sự đồng nhất với hình thức, vì như sẽ thấy ở §237, chỉ có hình thức tuyệt đối mới đồng nhất với nội dung tuyệt đối. (Khái niệm được hiện thực hóa tương ứng với mục đích sẽ là sự đồng nhất tuyệt đối của hình thức, sự tự do, với nội dung của nó, tức tính khách quan mục đích luận).

Và, cũng chính vì chưa đi tới được *Khái niệm về tính mục đích* (§204), nên dẫn đến việc hiểu Thượng đế không phải như là sự tự do tinh thần mà chỉ như là lực tự nhiên và mù quáng (như nơi các nhà triết học về tự nhiên như Herder)*.

- Người ta thường bảo chỉ nhận thức được sự ngoại tại hóa của lực, còn *bản tính* của bản thân lực là huyền bí và không thể nhận thức được. Hegel đưa ra hai lập luận phản bác:
 1. Trong thực tế, mọi *quy định về nội dung* của lực đều chỉ là nội dung của sự ngoại tại hóa. Không có gì trong lực mà không ở trong sự ngoại tại hóa và ngược lại. Vì thế, giải thích một hiện tượng bằng một lực thực chất là một *sự lặp thừa trống rỗng*. Sự khác biệt duy nhất tách rời lực và sự ngoại tại hóa của nó chính là *hình thức* của sự phản tư-trong-mình: lực là bản chất với tư cách là phản tư-trong-mình, còn sự ngoại tại hóa cũng chính là cùng một hiện tượng ấy của bản chất trong sự hiện hữu trực tiếp. Điều tưởng rằng không nhận thức được không gì khác hơn là cái hình thức *trống rỗng* này của việc phản tư-trong-mình, vốn là điều (§113) hoàn toàn nhận thức được vì nó chỉ là sự trừu tượng của quan hệ-với-mình. Cái hình thức *trống rỗng* này chẳng thêm gì cho nội dung của hiện tượng và cho quy luật điều chỉnh nội dung và không đóng góp gì vào việc nhận thức chúng: nội dung và quy luật của nó chỉ có thể được nhận thức xuất phát từ hiện tượng. Người ta đã rơi vào mâu thuẫn khi vừa bảo rằng lực là không thể nhận thức được, trong khi vẫn cứ dùng lực để giải thích ở trong các khoa học tự nhiên!

* *Lực (Kraft / force)*: xem thêm: *Hiện tượng học Tinh thần*, §137 và tiếp, và nhất là chú thích 249 của BVNS, Sđd, tr. 335-336.

2. Bản tính của lực đúng là không thể nhận thức được, chỉ trong chừng mực ở cấp độ hiện nay, nội dung tư biện của lực chưa được quy định tự-mình-và-cho-mình. Nói khác đi, ta chưa nhận thức được *sự tất yếu* của sự nối kết giữa lực và sự ngoại tại hóa của nó (chỉ xuất hiện từ §147!). Ngoài bối cảnh ấy, mọi “định kiến” về sự “huyền bí” của lực chỉ là một sự trống rỗng vô-tư tưởng!

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §137

Tiểu đoạn §137 chuẩn bị cho sự quá độ từ Quan hệ của lực và sự ngoại tại hóa của nó sang Quan hệ của *cái bên trong* và *cái bên ngoài*. Tiểu đoạn gồm hai phần:

- Lấy lại những sự phát triển trước đây để cho thấy: định nghĩa về Quan hệ được thực hiện trong lực và sự ngoại tại hóa của nó *tốt hơn nhiều* so với trong Quan hệ giữa cái toàn bộ và những bộ phận. Theo đó, Quan hệ này cho thấy “một và cùng một” nội dung duy nhất thể hiện như là sự ngoại tại và đối lập của những hiện hữu tự tồn (lúc đầu là những bộ phận rồi đến sự ngoại tại hóa của lực) và như là quan hệ đồng nhất của chúng (lúc đầu là tập hợp những bộ phận, rồi sự quay trở về chính mình của lực ngay trong việc ngoại tại hóa).
- Phần hai nêu mấy khía cạnh *mới* cho thấy Biện chứng của lực sẽ dẫn đến Quan hệ cao hơn giữa cái bên trong và cái bên ngoài (§138).
- Như đã biết, Quan hệ toàn bộ-bộ phận là Quan hệ trực tiếp; Quan hệ lực-sự ngoại tại hóa của nó là quan hệ gián tiếp, trung giới. Trong Quan hệ thứ hai này, lực thể hiện như là hạn từ đầu tiên và nguyên thủy giống như những bộ phận trong Quan hệ thứ nhất. Nhưng, dù có sự trung giới, hai hạn từ của nó vẫn còn là hai phía khác nhau. Nhưng, chính sự ngoại tại hóa của lực lại thái hồi sự khác nhau của hai phía trong Quan hệ. Thật thế, việc ngoại tại hóa của lực, tức lực trong chính hành vi của mình, thái hồi sự khác nhau của Quan hệ, và thiết định sự

đồng nhất tạo nên *nội dung duy nhất* của Quan hệ. Tuy nhiên, trong Quan hệ này của lực, việc làm vừa nói chỉ mới hiện diện một cách *tự-mình* hay tiềm năng do còn có sự khác nhau giữa hai hạn từ của Quan hệ.

- Sự thật hay Chân lý của lực chính là ở chỗ: hai phía còn khác nhau nữa mà chỉ khác biệt như là **bên trong và bên ngoài**. Sự khác biệt này chỉ đơn thuần có *tính hình thức trống rỗng* chứ không phải là một sự khác biệt về *nội dung*, chia cắt Quan hệ thành hai hạn từ. Cái bên trong và cái bên ngoài chỉ là hai *quan điểm* đối lập về một thực tại đồng nhất duy nhất. Bây giờ, sau Quan hệ trực tiếp và Quan hệ trung giới, ta đi đến với Quan hệ trong đó sự trung giới chuyển hóa thành sự đồng nhất trực tiếp và tuyệt đối.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §138

c) Cái bên trong và cái bên ngoài

- *Cái bên trong* là cơ sở của cái bên ngoài như là của sự hiện hữu của nó. Nhưng, trong sự thật, cái bên trong không còn là cơ sở theo nghĩa ở §121 như là cái gì đứng “cao hơn” trong quan hệ với sự hiện hữu, mà là cơ sở (trong chân lý, sự thật của nó) như là *hình thức trống rỗng* của một *phía* của hiện tượng và của Quan hệ. Nói cách khác, ở đây, cơ sở không gì khác hơn là một mômen trừu tượng và tuyệt đối mang tính hình thức của bản thân hiện tượng và của Quan hệ mà hiện tượng chứa đựng: nó không gì khác hơn là hình thức trống rỗng của sự phản tư-trong-mình hay được thiết định một cách mạnh mẽ.
- Đối diện với cái cơ sở-bên trong được hiểu như thế thì sự hiện hữu trực tiếp cũng không còn theo nghĩa ở §122, mà là hình thức đơn thuần của phía khác của Quan hệ, không có tính quy định nào khác ngoài tính quy định trống rỗng và không có nội dung của sự phản tư-trong-cái-khác. Như là một tính quy định thuần túy hình thức, sự hiện hữu là hình thức trống rỗng về *cái bên ngoài* ở trong Quan hệ hiện tượng. Tóm lại, ở đây, ta chỉ có các sự phân biệt thuần túy hình thức và hoàn toàn trống rỗng, nói lên *sự đồng nhất*

tuyệt đối về mặt nội dung của bản chất và của sự hiện hữu, bắt đầu báo hiệu cấp độ cao hơn: *hiện thực* (*Wirklichkeit / Actuality / Effectivité*) (§142 và tiếp).

- Từ nay, tuy mang hình thức khác nhau, nhưng cái bên trong và cái bên ngoài không còn có ý nghĩa cụ thể và không còn quy định một sự khác biệt về nội dung như ở §§133, 134; sự đồng nhất của chúng không còn chia ra thành hai phía của “một và cùng một” thực tại duy nhất của Quan hệ như ở §136 khi sự đồng nhất trực tiếp giữa sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác còn mang sự phân ly không chỉ về ý thể mà còn thực tồn giữa lực và sự ngoại tại hóa của nó. Từ nay, sự đồng nhất của chúng là sự đồng nhất *toàn diện*, sự đồng nhất được lấp đầy, nơi đó mọi sự dị biệt hóa hình thức đều phai tàn trước tính toàn thể duy nhất của bản chất-hiện tượng.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §139

Trước khi đi từ “Quan hệ” sang “Hiện thực”, Hegel dành hai tiểu đoạn §139 và §140 để phát triển thêm hai *phương diện* của phép biện chứng giữa cái bên trong và cái bên ngoài. Tiểu đoạn §139, về phương diện *nội dung*; §140 về phương diện *hình thức*.

- Trước hết, như là kết quả của §137 và §138, cái bên ngoài có **cùng nội dung** như cái bên trong. Cái gì ở bên trong cũng có mặt ở bên ngoài và ngược lại. Khẳng định này không chỉ giới hạn đối với hai hạn từ của Quan hệ là cái bên trong và cái bên ngoài mà bây giờ có thể mở rộng cho cả hai tiểu mục đầu tiên của Logic học về Bản chất: tức bản thân bản chất (như là cơ sở của sự hiện hữu) và hiện tượng.
- Thật thế, như đã nói ở §138, cái bên trong được xác định như hình thức của bản chất hay của sự phản tư-trong-mình đối diện với cái bên ngoài như là hình thức của tồn tại hiện tượng không bản chất hay của sự trực tiếp phản tư-trong-cái-khác. Vậy, nếu cái gì ở bên trong cũng hiện diện ở bên ngoài và ngược lại, ta có thể nói hết như thế ở mức độ bao quát hơn rằng: hiện tượng không cho thấy điều gì không ở trong bản

chất, và, trong bản chất, không có gì không được biểu lộ ra bên ngoài. Vì lẽ bản chất và hiện tượng có *cùng* một nội dung toàn diện, nên toàn bộ nội dung của bản chất đều ở trong hiện tượng, và toàn bộ nội dung của hiện tượng đều ở trong bản chất.

- Luận điểm này hết sức có sức nặng về ý nghĩa, vì theo nó không có gì trong hiện tượng mà không có thể được quy về cho bản chất, đồng thời không thể tìm thấy gì trong bản chất mà không được *biểu lộ ra* (*manifestiert / manifested / manifesté*) trong hiện tượng. Nói khác đi, luận điểm này xem là bản chất tất cả những gì có mặt trong hiện tượng, đồng thời bác bỏ một sự bền vững riêng của hiện tượng cũng như dẹp bỏ mọi tính chất huyền bí và xa lạ của bản chất.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §140

Bây giờ bàn đến phương diện *hình thức*.

- Tuy là cùng một nội dung, nhưng, như là các quy định của *hình thức*, cái bên trong và cái bên ngoài là đối lập với nhau, và đối lập một cách tuyệt đối vì đây là các sự trừu tượng về sự đồng nhất với mình (bản chất bên trong) và tính đa tạp (tồn tại bên ngoài). Tuy nhiên, hai quy định hình thức đối lập nhau này rút cục là các mômen của một hình thức duy nhất, hay của “Một hình thức” như Hegel viết. Thật thế, §§137 và 138 đã cho thấy rằng sự đồng nhất tuyệt đối về nội dung của Quan hệ này dựa trên sự đồng nhất hóa của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác, và sau cùng, của cái bên trong và cái bên ngoài trong chừng mực sự đồng nhất ấy được thiết định bởi vận động hình thức duy nhất của lực mà bản thân sự ngoại tại hóa là sự thái hồi sự khác nhau của hai phía có mặt trong Quan hệ. Từ đó, dù tuyệt đối đối lập nhau, hai quy định hình thức của cái bên trong và cái bên ngoài cũng là đồng nhất về bản chất, vì sự đồng nhất của chúng đến từ tính phủ định của hình thức và, do đó, được liên kết với một sự đối lập tuyệt đối. Do sự đồng nhất đầy mâu thuẫn trong sự đối lập tuyệt đối mà sự thống nhất giữa cái bên trong và cái bên ngoài, về mặt

hình thức, là sự quá độ đột ngột của cái này sang cái kia bằng một sự trung giới thuần túy trừu tượng. Ở §141, ta sẽ thấy sự thống nhất trực tiếp và cụ thể của cái bên trong và cái bên ngoài (được thiết định bởi sự trung giới của hình thức và kết hợp với phương diện nội dung) sẽ trở thành “*hiện thực*” như thế nào.

- Trong khi chờ đợi, từ quan điểm đơn thuần hình thức ở đây, sự quá độ đột ngột của hai hạn từ có nghĩa là cái gì thoát đầu *chỉ* được thiết định trong một cái trừu tượng hình thức thì cũng *chỉ* là một cái trừu tượng như thế trong cái kia.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §141

Tiểu đoạn §141 phác họa sự quá độ từ Quan hệ-bản chất (hay sự tương quan-hiện tượng) sang *Hiện thực*, phạm trù cuối cùng của Bản chất trước khi Khái niệm “khai hoa nở nhụy”. Vì thế, §141 có nội dung “tư biện” rất cao và khó đọc.

- Quan hệ giữa cái bên trong và cái bên ngoài tuy vẫn còn là một Quan hệ nhưng chỉ diễn ra trong “*một và cùng một*” nội dung *duy nhất*. Nói cách khác, nguyên tắc hình thức nhằm phân chia nội dung này và tạo nên một Quan hệ chỉ có giá trị như một sự trừu tượng trống rỗng. Thật thế, các sự trừu tượng trống rỗng (cái bên trong và cái bên ngoài) – qua đó Nội dung duy nhất có hình thức của một Quan hệ – tự thái hồi trong sự quá độ trực tiếp của cái này sang cái kia như đã thấy ở §140. Và như §138 đã nhấn mạnh, nội dung của Quan hệ rút cục không gì khác hơn là *sự đồng nhất* của cả hai (tức tiến trình của một sự ngoại tại hóa-nội tại hóa hay nội tại hóa-ngoại tại hóa). Nói ngắn, các sự trừu tượng trống rỗng (cái bên trong và cái bên ngoài) là **vẻ ngoài của bản chất, được thiết định như là vẻ ngoài (der als Schein gesetzte Schein des Wesens / the semblance of essence posited as semblance / l'apparence de l'essence, posée comme apparence)**. Điều này có nghĩa là gì?

- Như đã biết, bản chất của bản chất là phải hiện ra trong một *vẻ ngoài trực tiếp*. Thoạt đầu, vẻ ngoài này chỉ thể hiện như là một tàn dư của lĩnh vực Tồn tại ở bên trong bản chất (§§112-114); rồi, như là *sự trực tiếp* được thiết định bên trong bản chất bởi bản thân bản chất trong vận động quay trở lại chính mình của tính phủ định của nó (§§115-116); sau đó, vẻ ngoài của bản chất có được sự bền vững trực tiếp khi trở thành sự *hiện hữu* bên ngoài của bản chất (§§122, 131) trước khi biến thành *hiện tượng* (§131), và, cuối cùng, trong Quan hệ bản chất chỉ còn có hai hạn từ trừu tượng là cái bên trong và cái bên ngoài. Hai phạm trù này vẫn còn xác định sự “*ánh hiện*” năng động của bản chất, bởi cái này ánh hiện trong cái kia. Nhưng, chính trong bản thân nội dung của Quan hệ giữa cái bên trong và cái bên ngoài (cũng như giữa bản chất và tồn tại, giữa cái trung giới và cái trực tiếp) mà mỗi bên đều lột bỏ hết sự trực tiếp riêng của nó. Cái bên trong hoàn toàn chuyển sang cái bên ngoài và ngược lại. Nói khác đi, không còn một chút tàn dư nào của tồn tại – xét như là tồn tại – ở trong hai sự trừu tượng trống rỗng ấy nữa. Chúng không còn là “tồn tại” (Sein) mà chỉ là “vẻ ngoài” (Schein); chúng là vẻ ngoài từ đầu đến cuối, hoàn toàn trong suốt, không còn sự mờ đục của tồn tại. Vì thế, đúng như Hegel viết, chúng là “*vẻ ngoài của Bản chất được thiết định như là vẻ ngoài*”, nghĩa là không còn chút tàn dư nào của tồn tại. Nhưng phải chăng như thế là sự trực tiếp của tồn tại hoàn toàn bị tiêu biến? Thưa không, vì khi mọi tồn tại đều tiêu biến, dành chỗ cho vẻ ngoài và sự ánh hiện thuần túy, thì chính vẻ ngoài **như là** vẻ ngoài và chính sự ánh hiện **như là** ánh hiện đều được thiết định như là sự đồng nhất tuyệt đối với chính mình, và như thế, chính *sự trực tiếp* của tồn tại **tuyệt đối**, nơi đó mọi sự phản tư và trung giới rút cục đều phai tàn. Và chỉ còn lại sự vận động của tư duy mà nội dung của nó là “*tự biểu lộ ra*” (*sich manifestieren*). “Tự biểu lộ ra” mà không tự đánh mất mình vì vận động thuần túy này không phơi bày điều gì ngoài bản thân sự phơi bày, bởi đó là sự “tự biểu lộ thuần túy”, giống như ánh sáng không phải là một Cái-gì-đó hay một sự vật, trái lại, tồn tại của nó chỉ là việc chiếu sáng (scheinen) của nó và sự chiếu sáng là bản thân sự đồng nhất của tồn tại trực tiếp của nó. (Xem: [Đại] *Khoa học Lôgic*, II, 185a). Sự quay trở về lại với vận động thuần túy của sự “chiếu sáng” hay “ánh hiện” không phải là bước thụt lùi trở về

với sự “ánh hiện thuần túy” của sự phản tư của bản chất trong chính mình như ở §§115-120.

- Vậy, bản chất ta nói ở đây không còn là sự phản tư thuần túy mà là sự thống nhất của bản chất-cơ sở với tồn tại-hiện tượng. Ở đây, Hegel mới phác họa sự thống nhất giữa bản chất và tồn tại như nó sẽ triển khai trong “*Hiện thực*” (§142 và tiếp) và sau đó, trong *Khái niệm* (§160 và tiếp).
- Việc quay trở lại với sự “ánh hiện” **như là** sự ánh hiện và với “vẽ ngoài” (hay ánh tượng) *như là* vẽ ngoài cũng thể hiện rõ trong cái bên trong và cái bên ngoài, khi chúng không gì khác hơn là các mômen đang tiêu biến đi trong sự “tự biểu lộ” của nội dung, nghĩa là, chúng không còn là các thực thể tự tồn độc lập với nhau nữa. Cả hai bây giờ là bình đẳng trong vận động duy nhất và cụ thể của việc “tự biểu lộ ra” (Selfmanifestation) của nội dung. Ta cần hiểu rõ vận động này để dễ đi vào phạm trù “Hiện thực” tiếp theo.
- Do sự ngoại tại hóa của lực, cái bên trong – như đã thấy – *được thiết định* trong sự hiện hữu. Việc “*thiết định*” (*Setzen / position*) là hình thức của sự trung giới tích cực ở trong bản chất, trong khi *tồn tại-được-thiết định* (*Gesetzsein / Positedness / l'être-posé*) là hình thức của tồn tại được phủ định, được trung giới. Qua việc ngoại tại hóa của nó, cái bên trong tự “đẩy” mình ra khỏi cái tự-mình trực tiếp, được thiết định trong sự hiện hữu, được trung giới để trở thành cái bên ngoài.
- Như thế, việc *thiết định* này của cái bên trong trong sự hiện hữu bên ngoài tuy là một sự trung giới (Vermitteln / mediation), nhưng là một sự trung giới (bởi các cái trừu tượng *trống rỗng*, tuyệt đối *không bền vững*, tức sự trừu tượng của một cái bên trong và một cái bên ngoài) đang tiêu biến đi, nhường chỗ cho một sự “*tự-biểu lộ*” *trực tiếp* của tư tưởng.
- Việc thiết định còn có tính nhị nguyên của cái bên trong ở trong cái bên ngoài đã tự tiêu biến, nhường chỗ cho *sự trực tiếp mới mẻ*, trong đó cái bên trong và cái bên ngoài là *đồng nhất* một cách tuyệt đối, không chỉ “tự-mình” (mặc nhiên) hay

cho một sự phản tư từ bên ngoài mà “cho-mình”, do chính sự vận động của chúng, nói ngắn, “*tự-mình-và-cho-mình*”. Giữa cả hai vẫn còn một sự khác biệt nhưng sự khác biệt ấy chỉ thuần túy có tính hình thức, chỉ là một tồn tại-được thiết định chứ không có sự tự tồn, nghĩa là, chỉ là một tồn tại được bảo lưu, được trung giới và được tái-khẳng định hướng tới *sự tự-biểu lộ trực tiếp và tuyệt đối* như là kết quả của sự *đồng nhất* giữa cái bên trong (bản chất) và cái bên ngoài (sự hiện hữu). Sự đồng nhất ấy là **HIỆN THỰC**.